

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX
CÔNG TY CỔ PHẦN NEDI2

Số: 70 /2017/CV-TCHC
V/v: Công bố báo cáo tài chính năm 2016
đã được kiểm toán

CONG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----oOo-----
Lào Cai, ngày 15 tháng 02 năm 2017

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên công ty: Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện miền Bắc 2
2. Mã chứng khoán: ND2
3. Địa chỉ trụ sở chính: Số nhà 64B Đường Phan Đình Phùng, phường Phố Mới, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam.
4. Điện thoại: 0203 501 540 Fax: 0203 906 661
5. Người thực hiện công bố thông tin: Ông Ứng Hồng Vận Tổng Giám đốc Công ty người đại diện theo Pháp Luật.
6. Nội dung của thông tin công bố:
 - 6.1 Công bố thông tin báo cáo tài chính năm 2016 kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện miền Bắc 2 đã được kiểm toán bao gồm: BCĐKT, BCKQKD, BCLCTT, TMBCTC kèm theo.
 - 6.2 Công bố thông tin về văn bản giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế năm 2016 so với lợi nhuận sau thuế năm 2015 kèm theo.
7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty và văn bản giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế năm 2016 so với lợi nhuận sau thuế năm 2015 Tại đường dẫn <http://nedi2.com.vn> của Công ty.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu TCHC, thư ký.

Người đại diện theo Pháp luật



TỔNG GIÁM ĐỐC
Ứng Hồng Vận



**Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện
Miền Bắc 2**

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016



Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận Đăng ký
Kinh doanh số

1203000019

ngày 6 tháng 5 năm 2004

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh 9 lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 5300215527 ngày 8 tháng 9 năm 2016. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lào Cai cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Ngọc Diệp
Ông Ứng Hồng Vận
Ông Nguyễn Hữu Ngọc
Ông Nguyễn Thành Phương

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
(từ ngày 3 tháng 2 năm 2016)
Thành viên
(từ ngày 25 tháng 3 năm 2016)
Thành viên
(đến ngày 4 tháng 2 năm 2016)

Bà Đồng Thị Lan

Ông Nguyễn Thanh Hoàn

Ban Giám đốc

Ông Ứng Hồng Vận
Ông Nguyễn Hải Đăng
Ông Trần Vĩnh Hào

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Số nhà 64B, Đường Phan Đình Phùng
Phường Phố Mới, Thành phố Lào Cai
Tỉnh Lào Cai, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2 ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính trình bày từ trang 5 đến trang 28 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.


Thay mặt Ban Giám đốc
Ứng Hồng Vận
Tổng Giám đốc

Thành phố Lào Cai, 14-02-2017



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84-4 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2 (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 14-02-2017, được trình bày từ trang 5 đến trang 28.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội-bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc của Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2 tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 16-02-184



Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0861-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, 14 -02- 2017

Trương Tuyết Mai

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2594-2014-007-1

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		149.725.831.359	132.513.934.486
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	36.850.758.156	71.538.546.625
Tiền	111		808.521.700	11.538.546.625
Các khoản tương đương tiền	112		36.042.236.456	60.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		65.000.000.000	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	65.000.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		29.262.113.825	50.641.709.611
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	14.574.897.129	31.727.542.578
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3.207.090.458	9.490.807.062
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	11.480.126.238	9.423.359.971
Hàng tồn kho	140	9	18.352.458.685	9.713.934.067
Hàng tồn kho	141		18.352.458.685	9.713.934.067
Tài sản ngắn hạn khác	150		260.500.693	619.744.183
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		215.020.671	574.264.161
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	14	45.480.022	45.480.022
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 260)	200		1.859.039.312.522	1.923.840.981.417
Tài sản cố định	220		1.842.510.667.439	1.912.588.214.027
Tài sản cố định hữu hình	221	10	1.842.510.667.439	1.904.296.908.896
Nguyên giá	222		1.981.111.832.210	1.974.089.893.197
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(138.601.164.771)	(69.792.984.301)
Tài sản cố định vô hình	227		-	8.291.305.131
Nguyên giá	228		-	8.291.305.131
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		4.797.657.322	10.681.315.849
Xây dựng cơ bản dở dang	242	11	4.797.657.322	10.681.315.849
Tài sản dài hạn khác	260		11.730.987.761	571.451.541
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	11.730.987.761	571.451.541
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.008.765.143.881	2.056.354.915.903

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.520.230.012.525	1.560.888.311.785
Nợ ngắn hạn	310		186.786.945.152	159.376.699.203
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	9.137.996.517	66.987.475.179
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	4.655.365.319	5.015.305.141
Phải trả người lao động	314		9.003.417.061	7.695.446.046
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	12.949.891.057	27.481.142.375
Phải trả ngắn hạn khác	319	16(a)	7.241.106.251	11.343.330.462
Vay ngắn hạn	320	17(a)	142.728.291.256	40.854.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.070.877.691	-
Nợ dài hạn	330		1.333.443.067.373	1.401.511.612.582
Phải trả dài hạn khác	337	16(b)	21.000.000	203.000.000
Vay dài hạn	338	17(b)	1.333.422.067.373	1.401.308.612.582
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		488.535.131.356	495.466.604.118
Vốn chủ sở hữu	410	18	488.535.131.356	495.466.604.118
Vốn cổ phần	411	19	415.296.507.633	415.296.507.633
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		415.296.507.633	415.296.507.633
Thặng dư vốn cổ phần	412		10.642.450.000	10.642.450.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		62.596.173.723	69.527.646.485
- <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>	421a		24.837.625.468	1.738.390.092
- <i>LNST chưa phân phối năm nay</i>	421b		37.758.548.255	67.789.256.393
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.008.765.143.881	2.056.354.915.903

14 -02- 2017

Người lập:

Lâm Thị Hà
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Đinh Tuấn Anh
Kế toán trưởng



Ứng Hồng Vện
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
Doanh thu bán hàng	10	21	400.615.303.165	374.485.952.024
Giá vốn hàng bán	11		136.471.938.592	116.647.759.738
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		264.143.364.573	257.838.192.286
Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	3.869.430.878	11.035.998.663
Chi phí tài chính	22	23	152.376.363.878	162.381.604.250
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		144.085.379.535	143.603.067.699
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	35.049.096.956	39.497.680.865
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 26)	30		80.587.334.617	66.994.905.834
Thu nhập khác	31		270.505.232	826.673.260
Chi phí khác	32		1.569.640.831	32.322.701
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(1.299.135.599)	794.350.559
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		79.288.199.018	67.789.256.393
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		79.288.199.018	67.789.256.393
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	1.909	1.632

14 -02- 2017

Người lập:

Lâm Thị Hà
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Đinh Tuấn Anh
Kế toán trưởng



Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		79.288.199.018	67.789.256.393
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		69.179.371.684	68.412.688.294
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	2.842.349.448
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(2.141.786.649)	(870.063.951)
Chi phí lãi vay	06		144.085.379.535	143.603.067.699
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		290.411.163.588	281.777.297.883
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		29.080.974.936	79.651.402.452
Biến động hàng tồn kho	10		(8.638.524.618)	(9.713.934.067)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(75.027.927.107)	(16.991.047.239)
Biến động chi phí trả trước	12		(11.159.536.220)	2.391.222.917
			224.666.150.579	337.114.941.946
Tiền lãi vay đã trả	14		(144.096.586.709)	(156.794.011.753)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(20.562.869)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(2.271.492.563)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		78.298.071.307	180.300.367.324
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21		(9.071.692.074)	(157.727.879.135)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22		44.000.000	-
Tiền chi gửi các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	23		(65.000.000.000)	-
Tiền thu lãi tiền gửi	27		3.046.956.120	870.063.951
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(70.980.735.954)	(156.857.815.184)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		233.598.748.807	167.897.332.295
Tiền trả nợ gốc vay	34		(199.611.002.760)	(136.679.743.770)
Tiền trả cổ tức	36		(75.992.869.869)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(42.005.123.822)	31.217.588.525
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		(34.687.788.469)	54.660.140.665
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	5	71.538.546.625	16.878.405.960
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	5	36.850.758.156	71.538.546.625

14 -02- 2017

Người lập:



Lâm Thị Hà
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Đinh Tuấn Anh
Kế toán trưởng



Ung Hồng Vận
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2 (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là:

- đầu tư xây dựng vận hành các dự án thủy điện tại tỉnh Lào Cai và các tỉnh miền Bắc;
- mua bán vật liệu xây dựng;
- tư vấn thiết kế các công trình dân dụng, công nghiệp, cầu đường, cấp thoát nước, thủy điện, điện, thủy lợi;
- nhận thầu xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, điện, bưu chính viễn thông, thủy lợi, giao thông đường bộ các cấp, sân bay, bến cảng, cầu, cống, các công trình kỹ thuật, hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, các công trình đường dây, trạm biến thế, thi công san lấp nền móng, xử lý nền đất yếu, cấp, thoát nước, lắp đặt đường ống công nghệ và áp lực, điện lạnh và trang trí nội thất;
- đầu tư kinh doanh bất động sản, nhà ở và văn phòng cho thuê;
- kinh doanh nhà hàng, khách sạn, du lịch sinh thái, khu vui chơi giải trí;
- sản xuất và mua bán, xuất nhập khẩu máy móc, thiết bị, phục vụ xây dựng; và
- khai thác, sản xuất vật liệu xây dựng: đá, cát, sỏi.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có 97 nhân viên (1/1/2016: 98 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”) cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản/bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ công trình thủy điện	35 năm
▪ nhà điều hành thủy điện	25 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 5 năm
▪ máy móc và thiết bị	20 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 năm

(g) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(h) Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí thuê văn phòng và chi phí thiết bị văn phòng trả trước.

(i) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(j) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(k) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(l) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu từ bán điện

Doanh thu được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và doanh thu có thể đo lường được. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Doanh thu từ việc bán điện được xác định và tính toán dựa trên Hợp đồng Mua bán Điện giữa Công ty và Công ty Mua bán Điện, một công ty con của Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Doanh thu chỉ bao gồm tiền bán điện do Nhà máy thủy điện Ngòi Phát sản xuất ra. Doanh thu được ghi nhận mỗi tháng một lần.

Tiền bán điện được tính toán dựa trên biểu giá được xác định từ trước nhân với sản lượng điện Công ty sản xuất được.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(m) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(n) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán năm báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

(o) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Công ty không trình bày báo cáo bộ phận do Công ty chỉ có một hoạt động kinh doanh tại một vùng địa lý duy nhất.

(p) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính hàng năm, Ban Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này.

Xét đoán quan trọng mà Ban Giám đốc thực hiện đối với việc áp dụng các chính sách kế toán của Công ty, đồng thời cũng là nguồn gốc chính của sự không chắc chắn trong các ước tính, không thay đổi kể từ khi lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Tiền mặt	17.726.245	116.992.361
Tiền gửi ngân hàng	790.795.455	11.421.554.264
Các khoản tương đương tiền	36.042.236.456	60.000.000.000
	36.850.758.156	71.538.546.625

6. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là các khoản tiền gửi tại ngân hàng có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng.

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là khoản phải thu từ Công ty Mua bán Điện, một công ty con của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***8. Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Phải thu người lao động	860.001	12.091.828
Các khoản chi hộ	249.575.963	1.508.108.163
Tạm ứng	3.297.617.899	6.551.257.179
Ký cược, ký quỹ	-	250.972.714
Phải thu của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Lào Cai (*)	6.829.752.000	-
Phải thu khác	1.102.320.375	1.100.930.087
	11.480.126.238	9.423.359.971

(*) Phải thu của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Lào Cai là khoản phải thu về việc hoàn trả kinh phí đầu tư Công trình Khu Đô thị Thương mại Thủy Hoa theo Công văn số 2209/2016/CV-TCKH ngày 22 tháng 9 năm 2016.

9. Hàng tồn kho

	31/12/2016		1/1/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	962.835.652	-	489.503.623	-
Công cụ và dụng cụ	17.389.623.033	-	9.224.430.444	-
	18.352.458.685	-	9.713.934.067	-

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Công trình thủy điện và nhà điều hành thủy điện VND	Thiết bị văn phòng VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	1.407.830.000.000	66.050.958	562.519.611.934	3.674.230.305	1.974.089.893.197
Tăng trong năm	5.232.238.000	36.500.000	294.500.000	1.829.892.227	7.393.130.227
Thanh lý	-	-	-	(371.191.214)	(371.191.214)
Số dư cuối năm	1.413.062.238.000	102.550.958	562.814.111.934	5.132.931.318	1.981.111.832.210
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	40.224.285.714	66.050.958	28.352.570.157	1.150.077.472	69.792.984.301
Khấu hao trong năm	40.269.763.173	9.125.001	28.156.472.347	744.011.163	69.179.371.684
Thanh lý	-	-	-	(371.191.214)	(371.191.214)
Số dư cuối năm	80.494.048.887	75.175.959	56.509.042.504	1.522.897.421	138.601.164.771
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	1.367.605.714.286	-	534.167.041.777	2.524.152.833	1.904.296.908.896
Số dư cuối năm	1.332.568.189.113	27.374.999	506.305.069.430	3.610.033.897	1.842.510.667.439

Các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 1 tháng 1 năm 2016 có nguyên giá là 721 triệu VND.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 toàn bộ tài sản cố định hữu hình được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay dài hạn của Công ty (Thuyết minh 17(b)).

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

11. Xây dựng cơ bản dở dang

	2016 VND	2015 VND
Số dư đầu năm	10.681.315.849	1.867.447.381.354
Tăng trong năm	1.678.561.847	111.845.316.131
Chuyển từ chi phí trả trước dài hạn	-	7.596.295.065
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (*)	-	(1.970.020.000.000)
Giảm khác	(7.562.220.374)	(6.187.676.701)
Số dư cuối năm	4.797.657.322	10.681.315.849

(*) Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015, dự án công trình thủy điện Ngòi Phát đi vào hoạt động chính thức và được chuyển sang tài sản cố định hữu hình theo quyết định của Ban Giám đốc Công ty. Công ty đã ghi nhận nguyên giá của dự án công trình thủy điện này bằng tổng mức đầu tư của dự án được duyệt là 1.970.020 triệu VND, xấp xỉ với chi phí thực tế phát sinh tạm tính của dự án. Giá trị dự án công trình thủy điện Ngòi Phát sẽ được điều chỉnh khi hồ sơ quyết toán công trình được hoàn thiện và phê duyệt.

Tại ngày phát hành báo cáo tài chính này, các hồ sơ quyết toán vẫn chưa được hoàn thiện.

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang bao gồm:

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Công trình Thủy điện Ngòi Phát	1.533.107.301	7.562.220.374
Công trình Khu Đô thị Thương mại Thủy Hoa	2.391.822.749	2.391.822.749
Dự án Ngòi Phát mở rộng	181.818.182	36.363.636
Dự án suối Chăn	690.909.090	690.909.090
Tổng cộng	4.797.657.322	10.681.315.849

12. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí thiết bị văn phòng VND	Chi phí thuê văn phòng VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	571.451.541	-	571.451.541
Tăng trong năm	127.505.090	11.824.707.375	11.952.212.465
Phân bổ trong năm	(579.618.455)	(213.057.790)	(792.676.245)
Số dư cuối năm	119.338.176	11.611.649.585	11.730.987.761

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***13. Phải trả người bán ngắn hạn****(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn**

	31/12/2016		1/1/2016	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty Cổ phần Vimeco	1.407.300.566	1.407.300.566	13.597.592.229	13.597.592.229
Công ty TNHH Tư nhân Andritz Hydro	100.653.672	100.653.672	8.823.871.182	8.823.871.182
Công ty TNHH Xây dựng và Lắp đặt Thủy điện tỉnh Triết Giang	758.747.815	758.747.815	27.882.953.914	27.882.953.914
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7	875.218.692	875.218.692	1.749.442.970	1.749.442.970
Các nhà cung cấp khác	5.996.075.772	5.996.075.772	14.933.614.884	14.933.614.884
	9.137.996.517	9.137.996.517	66.987.475.179	66.987.475.179

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	31/12/2016		1/1/2016	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty Cổ phần Vimeco	1.407.300.566	1.407.300.566	13.597.592.229	13.597.592.229
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7	875.218.692	875.218.692	1.749.442.970	1.749.442.970
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình ngầm	-	-	201.343.070	201.343.070
Công ty Cổ phần Vimeco Cơ khí và Thương mại	105.522.381	105.522.381	1.116.943.700	1.116.943.700
	2.388.041.639	2.388.041.639	16.665.321.969	16.665.321.969

Khoản phải trả thương mại đối với các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty không có khoản phải trả nào quá hạn chưa thanh toán.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***14. Thuế và các khoản khác phải thu và phải nộp Nhà nước**

	1/1/2016 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/khấu trừ trong năm VND	31/12/2016 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	41.781.194.860	(39.117.822.932)	2.663.371.928
Thuế nhà thầu	1.370.663.155	825.209.048	(1.467.848.010)	728.024.193
Thuế nhập khẩu	(10.326.045)	-	-	(10.326.045)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(35.153.977)	-	-	(35.153.977)
Thuế thu nhập cá nhân	122.778.162	1.536.455.733	(1.569.370.341)	89.863.554
Thuế tài nguyên	3.521.863.824	29.891.895.367	(32.239.653.547)	1.174.105.644
	4.969.825.119	74.034.755.008	(74.394.694.830)	4.609.885.297

Trong đó:

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	(45.480.022)	(45.480.022)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	4.655.365.319	5.015.305.141
	4.609.885.297	4.969.825.119

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Lãi vay phải trả	12.949.891.057	12.961.098.231
Chi phí phải trả cho tài sản cố định hữu hình	-	14.520.044.144
	12.949.891.057	27.481.142.375

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***16. Các khoản phải trả khác****(a) Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Kinh phí công đoàn	91.954.194	109.262.259
Phải trả về cổ tức	7.066.431.657	-
Phí bảo lãnh phải trả công ty mẹ	-	5.970.230.412
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	82.720.400	5.263.837.791
	7.241.106.251	11.343.330.462

(b) Phải trả dài hạn khác

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Các khoản phải trả dài hạn khác	21.000.000	203.000.000

(c) Phải trả khác cho các bên liên quan

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Phải trả công ty mẹ	-	5.970.230.412
Phải trả các công ty liên quan khác	41.158.810	41.158.810

Khoản phải trả công ty mẹ không được đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2016		Biến động trong năm		31/12/2016	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	500.000.000	500.000.000	190.381.294.016	(137.337.002.760)	53.544.291.256	53.544.291.256
Vay dài hạn đến hạn trả	40.354.000.000	40.354.000.000	109.184.000.000	(60.354.000.000)	89.184.000.000	89.184.000.000
	40.854.000.000	40.854.000.000	299.565.294.016	(197.691.002.760)	142.728.291.256	142.728.291.256

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền		Lãi suất năm		31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
	VND	VND	0%	8%	-	500.000.000
Công ty Cổ phần Vimeco						
Ngân hàng TMCP Dầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh SGD 1	VND	VND	0%	8%	53.544.291.256	-
					53.544.291.256	500.000.000

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Vay dài hạn**

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Vay dài hạn	1.422.606.067.373	1.441.662.612.582
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(89.184.000.000)	(40.354.000.000)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	1.333.422.067.373	1.401.308.612.582

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	10,5%	2027	1.075.751.972.373	1.041.081.517.582
Ngân hàng Phát triển Việt Nam	VND	6,9-11,4%	2020	346.854.095.000	400.581.095.000
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng				(89.184.000.000)	(40.354.000.000)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng				1.333.422.067.373	1.401.308.612.582

Các tài sản đảm bảo của các khoản vay dài hạn là toàn bộ dự án công trình thủy điện Ngòi Phát, bao gồm quyền sử dụng đất, kể cả nhà máy, cùng với các tòa nhà, công trình xây dựng và mọi bất động sản khác được xây dựng, nâng cấp và gắn liền hay tọa lạc vĩnh viễn tại dự án hay trên khu đất trong thời điểm hiện tại và tương lai; toàn bộ máy móc thiết bị (trong phạm vi tối đa được các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan cho phép) và các động sản liên quan đến hoặc thuộc về dự án (cho dù đang có hay sẽ hình thành trong tương lai) của Công ty theo hợp đồng thế chấp với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng Phát triển Việt Nam được chia tương ứng theo tỷ lệ vốn vay từ các ngân hàng này.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

18. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	415.296.507.633	10.642.450.000	8.628.956.068	1.738.390.092	436.306.303.793
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	67.789.256.393	67.789.256.393
Chênh lệch tỷ giá	-	-	(8.628.956.068)	-	(8.628.956.068)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	415.296.507.633	10.642.450.000	-	69.527.646.485	495.466.604.118
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	79.288.199.018	79.288.199.018
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(3.160.370.254)	(3.160.370.254)
Cổ tức (Thuyết minh 20)	-	-	-	(83.059.301.526)	(83.059.301.526)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	415.296.507.633	10.642.450.000	-	62.596.173.723	488.535.131.356

19. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2016		1/1/2016	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	50.000.000	500.000.000.000	50.000.000	500.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	41.529.650	415.296.507.633	41.529.650	415.296.507.633
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	41.529.650	415.296.507.633	41.529.650	415.296.507.633

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

20. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 25 tháng 3 năm 2016, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 41.530 triệu VND (1.000 VND trên một cổ phiếu). Trong năm 2016, Công ty đã quyết định tạm ứng cổ tức năm 2016 là 41.530 triệu VND (1.000 VND trên một cổ phiếu) theo Nghị quyết số 42/2016/NQ-HĐQT ngày 7 tháng 11 năm 2016.

21. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

22. Doanh thu hoạt động tài chính

	2016 VND	2015 VND
Lãi tiền gửi	3.559.339.780	870.063.951
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	310.091.098	10.165.934.712
	3.869.430.878	11.035.998.663

23. Chi phí tài chính

	2016 VND	2015 VND
Chi phí lãi vay	144.085.379.535	143.603.067.699
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	2.842.349.448
Phí bảo lãnh cho các khoản vay	7.943.844.186	15.870.375.014
Chi phí tài chính khác	347.140.157	65.812.089
	152.376.363.878	162.381.604.250

24. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2016 VND	2015 VND
Chi phí nhân công	19.321.035.880	16.882.709.850
Chi phí đồ dùng văn phòng phẩm	664.671.267	352.520.137
Chi phí khấu hao	899.371.684	44.340.454
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.406.096.041	6.248.717.700
Chi phí khác	8.757.922.084	15.969.392.724
	35.049.096.956	39.497.680.865

25. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2016 VND	2015 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	6.355.083.175	2.126.142.572
Chi phí nhân công	30.213.366.518	24.771.762.164
Chi phí khấu hao	69.179.371.684	68.412.688.294
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.034.319.749	9.594.293.048
Chi phí khác	58.738.894.422	51.240.554.525

26. Thuế thu nhập

(a) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2016 VND	2015 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	79.288.199.018	67.789.256.393
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	15.857.639.804	14.913.636.406
Chi phí không được khấu trừ thuế	313.928.166	14.221.989
Miễn thuế	(16.171.567.970)	(14.927.858.395)
	-	-

(b) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư, dự án của Công ty được hưởng các ưu đãi theo Luật Đầu tư năm 2005 và các quy định pháp luật hiện hành. Các quy định hiện hành về thuế cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính (từ năm 2015 đến năm 2018) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2019 đến năm 2027). Mức thuế ưu đãi 10% được áp dụng trong thời gian 15 năm kể từ khi dự án bắt đầu bước vào giai đoạn kinh doanh (từ năm 2015 đến năm 2029). Sau đó, Công ty sẽ áp dụng mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Luật thuế thu nhập doanh nghiệp cũng quy định rằng nếu Công ty không phát sinh lợi nhuận chịu thuế trong ba năm liên tiếp từ năm đầu tiên Công ty có doanh thu thì thời gian miễn thuế trên sẽ được tính bắt đầu từ năm thứ tư dù có lợi nhuận chịu thuế hay không.

Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 20% kể từ năm 2016 (2015: 22%).

27. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán năm báo cáo là 79.288 triệu VND (2015: 67.789 triệu VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 41.529.650 cổ phiếu (2015: 41.529.650 cổ phiếu).

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

28. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2016 VND	2015 VND
Tổng công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam		
Phí bảo lãnh khoản vay ngân hàng	7.943.844.186	15.870.375.014
Thanh toán phí bảo lãnh khoản vay ngân hàng	7.943.844.186	34.992.938.026
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam		
Số tiền vay nhận trong năm	221.971.748.807	75.815.138.525
Số gốc vay trả trong năm	133.757.002.760	82.000.000.000
Công ty Cổ phần Vimeco		
Mua hàng	3.919.258.995	46.036.091.962
Số gốc vay trả trong năm	500.000.000	-
Công ty cổ phần Vimeco Cơ khí và Thương mại		
Mua hàng	14.591.770	3.587.752.290
Thành viên Ban Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	2.952.507.125	2.250.393.332

14-02-2017

Người lập:

Lâm Thị Hà
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Đinh Tuấn Anh
Kế toán trưởng



Ứng Hồng Vận
Tổng Giám đốc



Số: **69** /2017/CV-TCKH

V/v Giải trình chênh lệch lợi nhuận
sau thuế năm 2016 so với năm 2015.

Lào Cai, ngày **14** tháng 02 năm 2017

GIẢI TRÌNH CHÊNH LỆCH LỢI NHUẬN SAU THUẾ

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện Miền Bắc 2 mã chứng khoán ND2 trân trọng gửi tới Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước và Quý Sở lời chào trân trọng nhất.

Căn cứ thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Căn cứ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016, kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện Miền Bắc 2 được lập vào ngày 14/02/2017 trong đó lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2016 so với lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2015 có sự thay đổi từ 10% trở lên, Công ty chúng tôi xin giải trình như sau:

Năm 2016 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp là: **79.288.199.018 đồng**; năm 2015 là: **67.789.256.393 đồng**, Lợi nhuận sau thuế năm 2016 tăng hơn so với lợi nhuận sau thuế năm 2015 là: **11.498.942.625 đồng** tương đương tăng **16,96%**

Nguyên nhân tăng do:

Là doanh nghiệp sản xuất điện (thủy điện) doanh thu sản xuất điện hoàn toàn phụ thuộc vào thủy văn trong năm. Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2016 tăng **11.498.942.625 đồng** so với lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2015 nguyên nhân tăng do:

1. Thủy văn trong năm 2016 mưa được phân bổ đều, nhà máy đã tận dụng được tối đa nguồn nước để phát điện. Vì vậy, sản lượng điện năm 2016 tăng so với sản lượng điện năm 2015 tương đương tăng doanh thu năm 2016 tăng so với doanh thu năm 2015 là: 26.129.351.141 đồng; trong khi lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh năm 2016 tăng so với lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh năm 2015 là: 13.592.428.783 đồng.
2. Năm 2016 chi phí khác tăng so với chi phí khác năm 2015 dẫn đến kết quả từ hoạt động khác của Công ty năm 2016 giảm (âm) so với kết quả từ hoạt động khác của Công ty năm 2015 tương ứng giảm kết quả hoạt động khác 2.093.486.158 tỷ đồng.

Hai nguyên nhân chủ yếu trên đã làm cho lợi nhuận sau thuế năm 2016 tăng so với lợi nhuận sau thuế năm 2015 tương ứng tăng 16,96%

Trên đây là nội dung giải trình về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016 tăng so với kết quả hoạt động kinh doanh năm 2015 của Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện Miền Bắc 2.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu TCHC, TCKH.

Người đại diện theo Pháp luật



TỔNG GIÁM ĐỐC
Ung Hồng Văn